

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: **38/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 15- 9 - 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 102/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST- HNGĐ ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Kim O, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu 13, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

Bị đơn: anh Vi Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu 13, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị Kim O trình bày:

Chị và anh Vi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/7/2013 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khu 13, xã Đ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Kể từ năm 2023, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mất lòng tin ở nhau. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 5/2023. Gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Vi Thị Huyền M, sinh ngày 24/12/2013 và cháu Vi Đức Q, sinh ngày 04/01/2018. Khi ly hôn, chị O đề nghị được nuôi cháu M; còn để anh T nuôi cháu Q; chị O không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn T trình bày:

Anh và chị Đặng Thị Kim O tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/7/2013 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu 13, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng có xảy ra xích mích nhỏ nhưng không lớn, không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng đến mức phải ly hôn. Nay chị O xin ly hôn, anh T không nhất trí ly hôn và xin được đoàn tụ.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Vi Thị Huyền M, sinh ngày 24/12/2013 và cháu Vi Đức Q, sinh ngày 04/01/2018. Nếu như ly hôn, anh T xin được nuôi cháu Q, còn để chị O nuôi cháu M; anh T không đề nghị chị O cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Anh T (bị đơn) không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Đặng Thị Kim O được ly hôn anh Vi Văn T.

+ Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Thị Huyền M, sinh ngày 24/12/2014; anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vi Đức Q, sinh ngày 04/01/2018 cho đến khi từng con chung thành niên, đủ 18 tuổi lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu

+ Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét T diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Đặng Thị Kim O và anh Vi Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh T có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại xã Đ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án báo gọi nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do; chị O vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (anh T), nguyên đơn (chị O) là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Đặng Thị Kim O và anh Vi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2013. Hiện nay, chị O và anh T đều có hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu 13, xã Đ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị O trình bày nguyên nhân dẫn đến ly hôn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mất lòng tin ở nhau. Qua xác minh, Chính quyền địa phương cung cấp quá trình chị O và anh T xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ

sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Anh T cho rằng, hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Trong cuộc sống hàng ngày, hai vợ chồng có xảy ra xích mích nhỏ nhưng không lớn đến mức phải ly hôn. Quá trình Tòa án báo gọi anh T đến Tòa án để thực hiện thủ tục hòa giải nhưng anh T cố tình vắng mặt, không tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ việc anh T xin đoàn tụ là chưa thật tâm. Chị O kiên quyết xin ly hôn anh T. Có thể thấy tình cảm vợ chồng chị O và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị O được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: chị O và anh T có 02 con chung là cháu Vi Thị Huyền M, sinh ngày 24/12/2013 và cháu Vi Đức Q, sinh ngày 04/01/2018. Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Vi Thị Huyền M (cháu M đã 10 tuổi). Cháu M có nguyện vọng muốn ở cùng với mẹ; Chị O có nguyện vọng muốn được nuôi cháu M; anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Q. Vì vậy, xét giao cháu M cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai có yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị O phải chịu T bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Kim O được ly hôn anh Vi Văn T

[2]. Về con chung: Giao chị Đặng Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Thị Huyền M, sinh ngày 24/12/2013; anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Đức Q, sinh ngày 04/01/2018 kể từ ngày 15/9/2023 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia

Chị O và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị Kim O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003779 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị O đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Đặng Thị Kim O và anh Vi Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Nga Thiện.
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thanh Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

